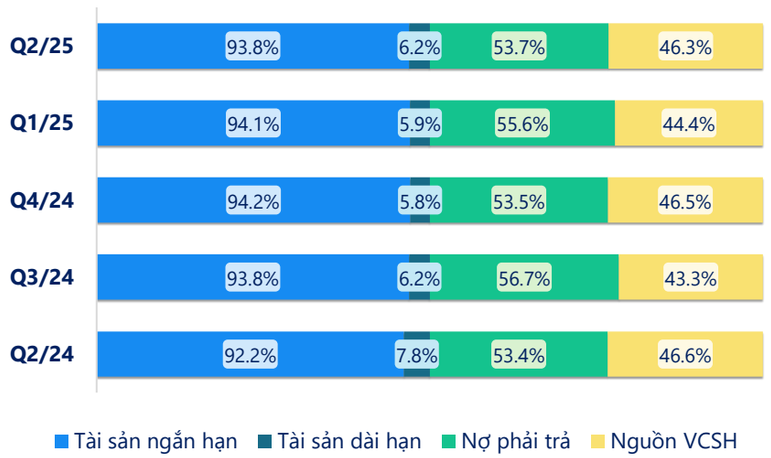
FireAnt

CTCP Cát Lợi (HSX: CLC)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	51,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	50,827
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	40,160
SL cổ phiếu LH	26,207,583
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,660
% sở hữu nước ngoài	2.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,350
P/E	8.9
EPS	5,764

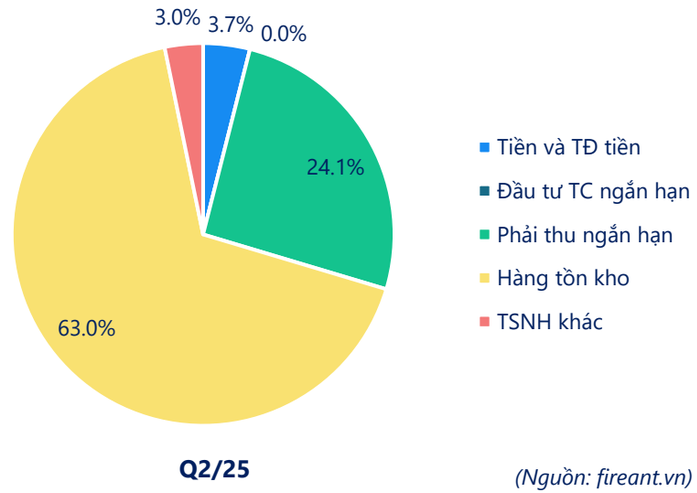
	YTD	1T	3T	6T
CLC	5.0%	6.7%	5.8%	5.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



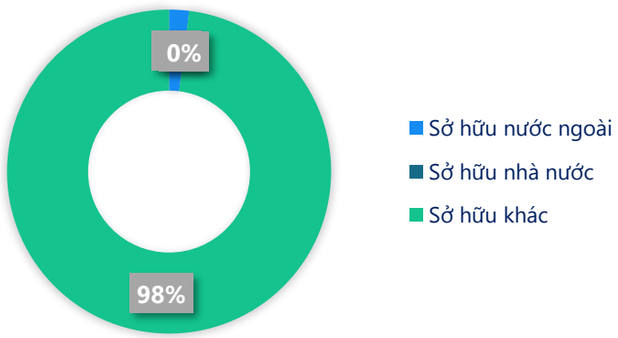
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



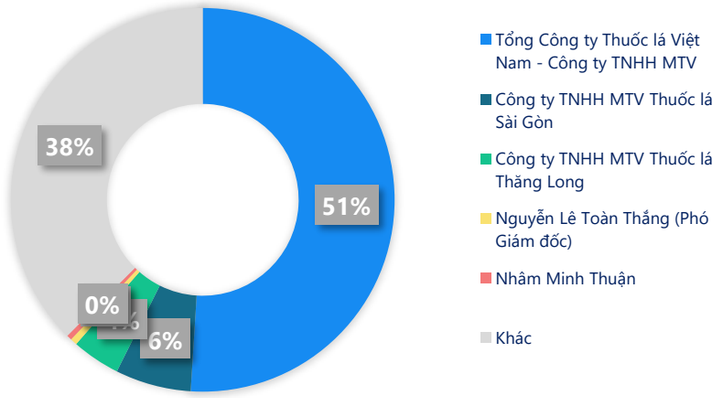
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



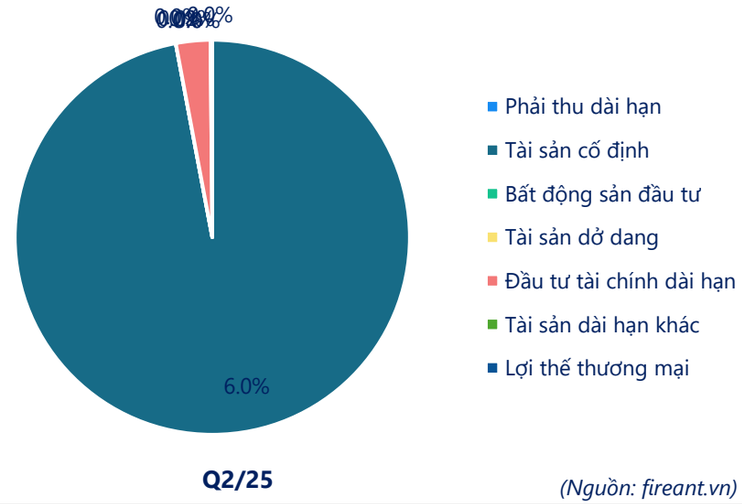
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

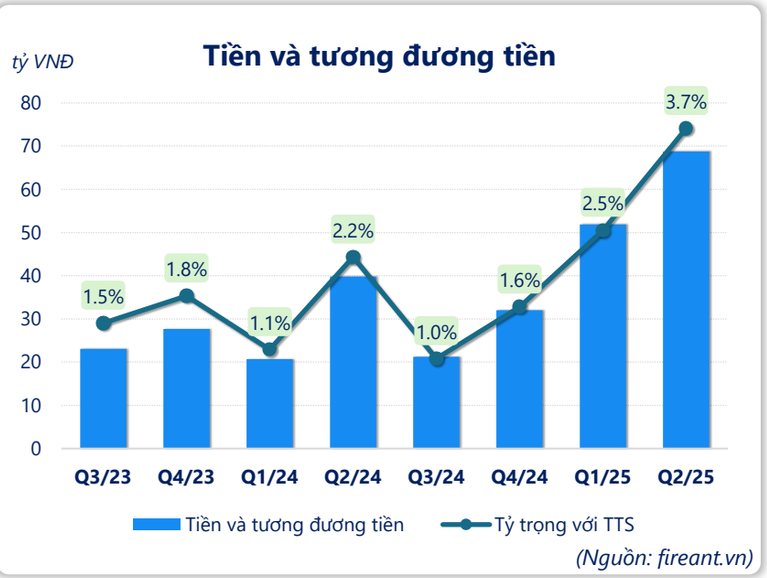
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



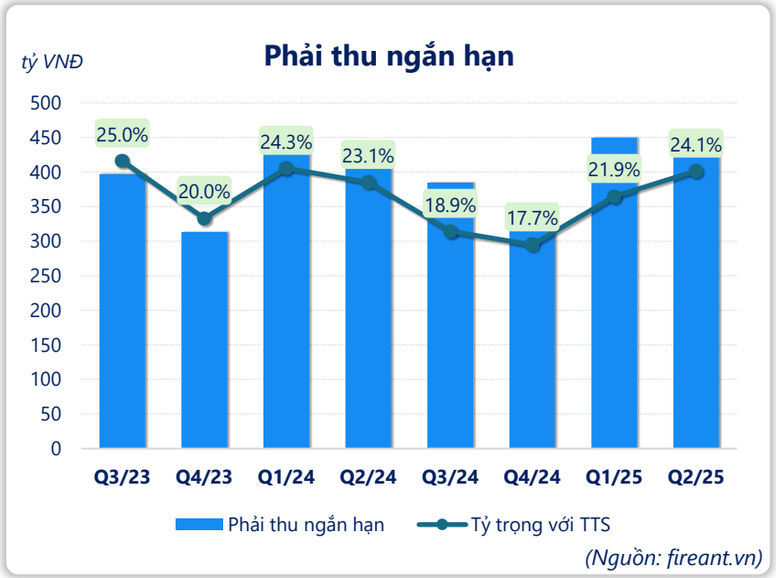
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

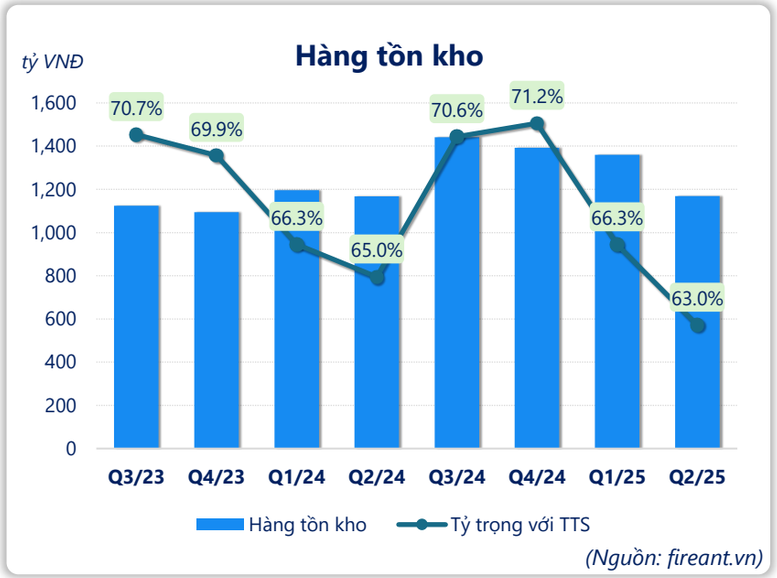
CTCP Cát Lợi (HSX: CLC)



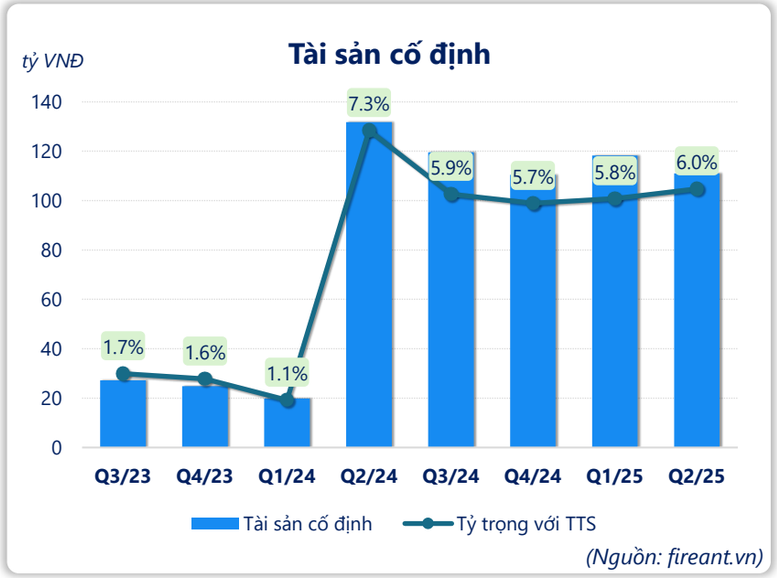
(Nguồn: fireant.vn)



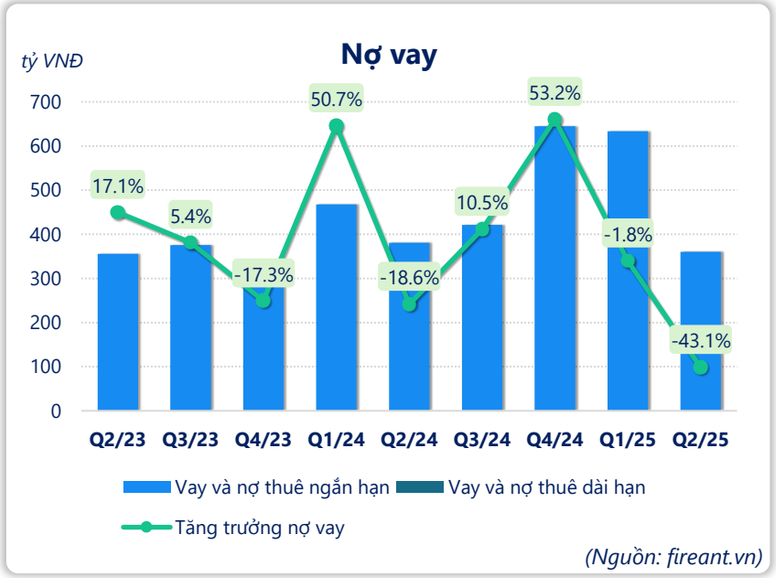
(Nguồn: fireant.vn)



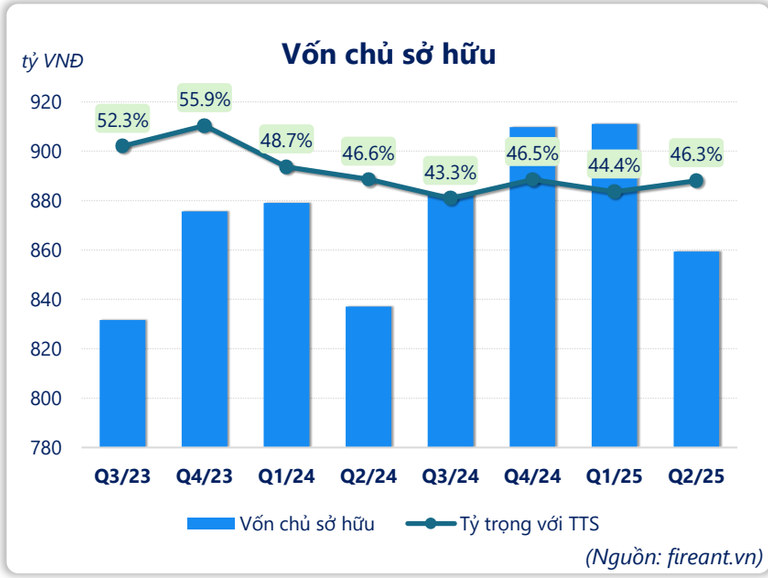
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

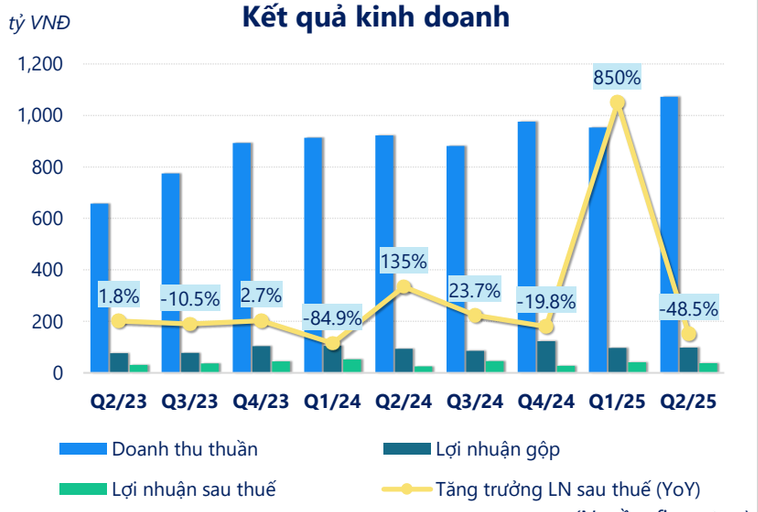


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

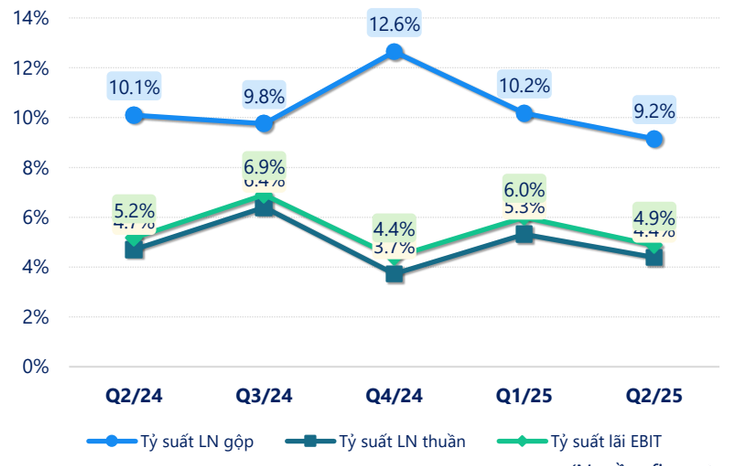
CTCP Cát Lợi (HSX: CLC)

Kết quả kinh doanh



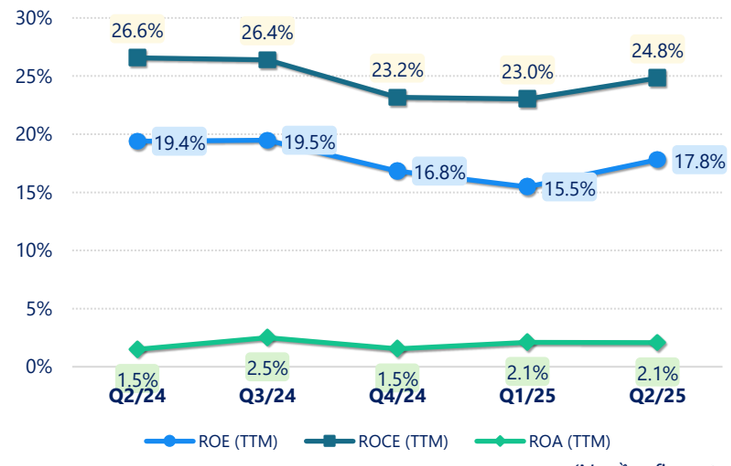
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



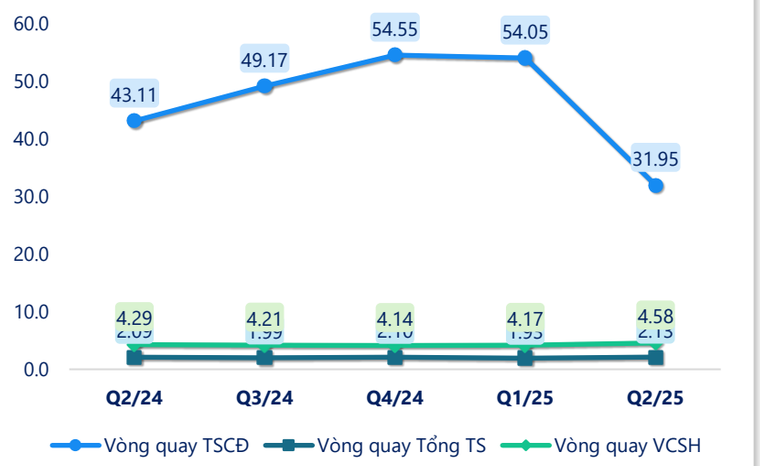
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



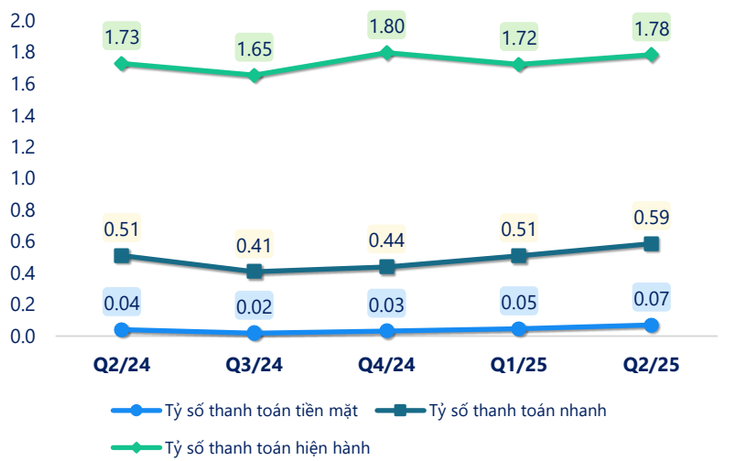
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



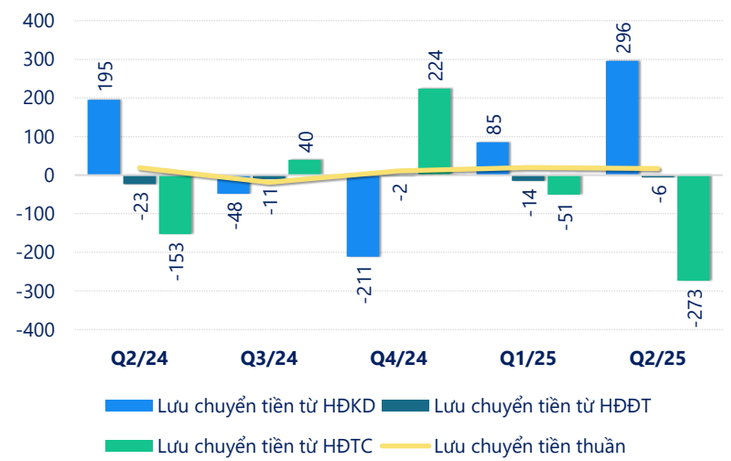
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Cát Lợi (HSX: CLC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,855**	**1,955**	**-5.1%**
Tài sản ngắn hạn	1,740	1,841	-5.5%
Tiền và tương đương tiền	68.7	32.0	114%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	447	346	29.2%
Hàng tồn kho	1,169	1,392	-16.0%
Tài sản ngắn hạn khác	56.2	71.7	-21.6%
Tài sản dài hạn	**114**	**114**	**0.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	111	110	0.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.11	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.23	3.23	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.16**	**0.16**	**1.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	996	1,045	-4.8%
Nợ ngắn hạn	**976**	**1,025**	**-4.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	360	645	-44.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	439	323	35.7%
Nợ dài hạn	19.8	20.8	-4.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**859**	**910**	**-5.5%**
Vốn chủ sở hữu	**859**	**910**	**-5.5%**
Vốn điều lệ	262	262	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	922	881	975	953	1,072
Giá vốn hàng bán	829	795	852	856	974
Lợi nhuận gộp	93.2	85.9	123	97.0	98.1
Doanh thu HĐTC	1.83	7.30	1.99	1.83	2.36
Chi phí TC	18.9	12.9	24.8	16.5	18.1
Chi phí lãi vay	4.23	4.00	6.38	6.31	5.10
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	9.21	12.1	15.4	7.55	9.73
Chi phí QLDN	23.5	11.9	48.8	24.1	25.6
LN thuần từ HĐKD	43.4	56.4	36.4	50.7	47.1
Lợi nhuận khác	0.05	0.44	0.19	0.15	0.05
LN trước thuế	43.5	56.8	36.6	50.8	47.1
Lợi nhuận sau thuế	25.1	45.4	27.2	40.6	37.7
LNST của CĐ cty mẹ	25.1	45.4	27.2	40.6	37.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	195	-48.2	-211	84.9	296
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-23.4	-10.6	-1.77	-14.4	-5.76
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-153	40.1	224	-50.6	-273
Tiền đầu kỳ	20.7	39.8	21.2	32.0	51.9
Lưu chuyển tiền thuần	**19.2**	**-18.6**	**10.8**	**19.8**	**16.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.01
Tiền cuối kỳ	39.8	21.2	32.0	51.9	68.7

(Nguồn: fireant.vn)